

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 82/2018/HS-ST
Ngày 19 - 6 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Bích Lý

Ông Võ Tiến Dũng

- Thư ký phiên toà: Bà Đào Thị Linh - Thư ký Toà án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 74/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Thị T, sinh ngày 20 tháng 11 năm 1958 tại Hải Phòng; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Đường T, phường C, Quận L, Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Quang H và bà Nguyễn Thị Á (Đều đã chết); có chồng là Nguyễn Thế C (đã chết); có 04 con, lớn sinh năm 1988, nhỏ sinh năm 1999; tiền án: Án số 18/HSST ngày 10/02/2009 Tòa án thành phố Hạ Long xử phạt 10 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (chưa xóa); **nhân thân:** Án số 59/HSST ngày 21/6/1979 Tòa án nhân dân Quận Lê Chân xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (đã xóa); án số 81/HSST ngày 27/9/1980 Tòa án thành phố Hải Phòng xử phạt 06 tháng tù về tội Chứa chấp tài sản riêng của công dân bị chiếm đoạt (đã xóa); án số 64 ngày 22/6/1993 Tòa án nhân dân Quận Lê Chân xử phạt 18 tháng tù về tội Chứa mại dâm (đã xóa); án số 09/HSST ngày 25/11/2005 Tòa án nhân dân Quận

Lê Chân xử 06 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng (đã xóa); bị bắt tạm giữ ngày 26/12/2017, tạm giam ngày 28/12/2017; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ 30' ngày 26/12/2017 Tổ công tác phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Hải Phòng làm nhiệm vụ tại khu vực trước cửa nhà số 264 Trần Nguyên Hãn, Quận Lê Chân, Hải Phòng đã phát hiện Phạm Thị T có biểu hiện phạm tội về ma túy. Tiến hành kiểm tra, thu giữ tại túi áo khoác phía ngoài bên trái của T 01 túi nilon màu đen bên trong có 01 túi nilon màu trắng chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy và 01 điện thoại di động Nokia màu đen đã cũ. Sau đó đã đưa T cùng vật chứng về trụ sở Công an lập biên bản giải quyết.

Tại Bản kết luận giám định số 1193/KLGĐ ngày 28/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Chất bột màu trắng thu giữ của T có trọng lượng 49,8363gam Methamphetamine.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Thị T khai nhận: Vào khoảng 13 giờ ngày 26/12/2017 T đi bộ từ nhà đến khu vực đường tàu Trần Nguyên Hãn, Quận Lê Chân, Hải Phòng với mục đích mua ma túy về sử dụng. T đi bộ vào hành lang đường tàu bên phải hướng đi về đường Cát Cụt, Hải Phòng được khoảng 50m thì gặp và mua của một người phụ nữ không quen biết ngồi ở đường ray tàu hỏa 01 túi ma túy giá 2.000.000đồng. T cất túi ma túy vừa mua được vào trong túi áo rồi đi ra đến chầu tàu Trần Nguyên Hãn gọi xe ôm của anh Nguyễn Văn T sinh năm 1957, đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 56/44 Trần Nguyên Hãn, Quận Lê Chân, Hải Phòng chở đến khu vực Cầu Niệm, khi đi đến trước cửa nhà số 264 Trần Nguyên Hãn, Quận Lê Chân, Hải Phòng thì kiểm tra bắt giữ.

Đối với Nguyễn Văn T1 là người lái xe ôm chở T, T1 không biết T mua và cất giữ ma túy trong người nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với người phụ nữ bán ma túy cho T, do không xác định được tên, tuổi, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân không có căn cứ để điều tra.

Chiếc xe máy BKS: 15B2-513.54 quá trình điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Văn T1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân đã trả lại chiếc xe trên cho anh T1 sử dụng.

Tại Cáo trạng số 81/CT-VKS ngày 07 tháng 5 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân đã truy tố bị cáo Phạm Thị T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm m, p khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào điểm m, p khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH13 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Phạm Thị T mức án từ 07 đến 08 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Do bị cáo không nghề nghiệp, không thu nhập ổn định, bản thân là nạn nhân của tệ nạn ma túy lại vừa ra tù nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy lượng ma túy còn lại sau giám định;

Trả lại bị cáo 01 chiếc điện thoại di động Nokia màu xám đen đã cũ nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận Lê Chân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, nội dung bản cáo trạng, báo cáo bắt giữ, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào hồi 13 giờ 30 phút ngày 26/12/2017 tại khu vực trước cửa nhà số 264 Trần Nguyên Hãn, Quận Lê Chân, Hải Phòng, bị cáo Phạm Thị T đã thực hiện hành vi cất giữ trái phép 49,8363g (Bốn chín phẩy tám ba sáu ba gam) Methamphetamine với mục đích để sử dụng. Do vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Thị T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Việc bị cáo tàng trữ 49,8363gam Methamphetamine và có 01 tiền án về tội rất nghiêm trọng chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng định khung là “các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ hai

mười gam đến dưới một trăm gam” và “tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm m, p khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử cần xem xét khung hình phạt quy định đối với tội Tàng trữ trái phép chất ma túy của Bộ luật Hình sự năm 1999 và Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định: “Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm”.

Tại khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: “Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm”.

Tại Khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: “Điều luật xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng, quy định một hình phạt nhẹ hơn,... và quy định khác có lợi cho người phạm tội, thì được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành”.

Do chính sách pháp luật thay đổi nên cần áp dụng khung hình phạt quy định có lợi cho người phạm tội. Như vậy, tại khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 có quy định khung hình phạt nhẹ hơn khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 249, khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH13 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy; làm suy thoái đạo đức, lối sống và là nguyên nhân làm phát sinh những tội phạm khác. Methamphetamine là chất ma túy độc hại, được dùng hạn chế trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, điều tra tội phạm hoặc trong lĩnh vực y tế theo yêu cầu điều trị, nhưng để thỏa mãn nhu cầu của bản thân bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý cất giữ trái phép để sử dụng; tội phạm bị cáo thực hiện là tội rất nghiêm trọng với lỗi cố ý trực tiếp và quyết tâm phạm tội cao. Về nhân thân: Bị cáo có 05 tiền án, trong đó 04 tiền án đã xóa, 01 tiền án chưa xóa là tình tiết tăng nặng định khung cho lần phạm tội này, qua đó cũng cho thấy bị cáo có nhân thân xấu, ý thức chấp hành pháp luật kém, bị cáo không lấy đó làm bài học để cải tạo, rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Vì vậy, cần xét xử bị cáo một mức án nghiêm, bắt cách ly xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn hành vi phạm tội của mình nên khi lượng hình cần xem xét áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự thì bị cáo có thể bị phạt bổ sung là phạt tiền. Do bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, bản thân là nạn nhân của tệ nạn ma túy nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

Số ma túy cơ quan Công an thu giữ, sau khi lấy đi giám định lượng còn lại xét là vật cấm lưu hành nên căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy;

Đối với 01 điện thoại Nokia đã cũ thu giữ của bị cáo, xét không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm m, p khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH13 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Phạm Thị T 07 (Bảy) năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 26 tháng 12 năm 2017.

Về xử lý tang vật: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu 01 phong bì niêm phong lượng ma túy còn lại sau giám định;

Trả lại bị cáo 01 chiếc điện thoại Nokia đã cũ thu giữ của bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

(Theo đúng Biên bản giao nhận vật chứng ngày 07 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận Lê Chân).

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND TP Hải Phòng;
 - VKSND TP Hải Phòng;
 - VKSND quận Lê Chân;
 - Chi cục THADS Quận Lê Chân;
- Trại tạm giam TP Hải Phòng;
 - Công an Quận Lê Chân;
 - Bị cáo;
 - Lưu: HS, VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hương